

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C&D VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C&D VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: C&D VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: C&D GROUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109779345

3. Ngày thành lập: 15/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422114999

Fax:

Email: tranlanlinalaw@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm	2029
4.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Trừ loại Nhà nước cấm)	2100
5.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Trừ loại Nhà nước cấm)	3250
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, đấu giá hàng hóa)	4610
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632(Chính)
8.	Bán buôn đồ uống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4633

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ lưu niệm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất sử dụng trong công nghiệp; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4669
13.	Bán buôn tổng hợp (Trừ những loại nhà nước cấm)	4690
14.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác hợp (trừ đầu giá).	4719
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4723
18.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; (Khoản 1 Điều 32; Điều 33 Luật Dược 2016), (Điều 37 Nghị định 36/2016/NĐ-CP; Khoản 23 Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP) (Trừ loại nhà nước cấm)	4772
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
20.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử Hoạt động thương mại điện tử (Trừ hoạt động đầu giá)	4791

22.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động; (trừ đấu giá hàng hóa)	4799
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (trừ vận tải hàng không, hoa tiêu)	5229
25.	Quảng cáo	7310
26.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
27.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác mua bán hàng hóa Ủy thác và nhận ủy thác xnk hàng hóa	8299
29.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ	8620
30.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...);	9610
31.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; Cắt, tỉa và cạo râu; Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm	9631

6. Vốn điều lệ: 3.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 350.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Tổ 3, cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.000	630.000.000	18,000	0360940021 74	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	63.000	630.000.000	18,000		
2	VŨ THỊ HOÀI THU	Xóm Đồi Cây, Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	10,000	090895207	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	35.000	350.000.000	10,000		

3	TRẦN LINH PHƯƠNG	Tổ 3, khu đô thị Minh Phương, Phường Minh Phương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	17.500	175.000.000	5,000	014191008202
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	17.500	175.000.000	5,000	
4	BÙI THỊ LÊ NA	9/6/15 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	038196000246
			Cổ phần phổ thông	31.500	315.000.000	9,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	31.500	315.000.000	9,000	
5	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nhà số 8, ngách 43, ngõ 488 Trần Cung, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.500	1.505.000.000	43,000	013461729
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.500	1.505.000.000	43,000	

6	HOÀNG THỊ THÚY HIỀN	P505 TT A5 Trại Găng, Bạch Mai, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	35.000	350.000.000	10,000	034180008905
			Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	10,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
7	NGUYỄN THỊ THỦY	Khu phố Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	125988253
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	17.500	175.000.000	5,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Cổ phần phổ thông	17.500	175.000.000	5,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013461729

Ngày cấp: 25/10/2011

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: *Số 8 Dãy I9, Khu tập thể Đại học Kinh tế quốc dân, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 8 Dãy I9, Khu tập thể Đại học Kinh tế quốc dân, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội